

PHỤ LỤC SỐ 09

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH TỰ DOANH ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

**TÊN CÔNG TY CHỨNG
KHOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....(số công văn)

....., ngày.....tháng.....năm

V/v báo cáo tình hình tự doanh
đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
tháng.....năm....

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4			
II	Giá trị đã đầu tư tại thời Điểm cuối tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		

4			
III	Giá trị đã đầu tư trong tháng		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4			
IV	Giá trị còn được đầu tư (IV = I-II)		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4			

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch)

II. Tổ chức mở tài Khoản giao dịch

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng tài Khoản
1	...			

III. Tình hình đầu tư

3.1. Tình hình giao dịch chứng khoán trên tài Khoản tư doanh

[illegible]

	- VND												
2	Trái phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
3	CC quỹ												
	- Ngoại tệ												
	- VND												
	Tổng												
	- Ngoại tệ												
	- VND												

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch)

3.2. Tình hình nắm giữ chứng khoán, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

(tính theo giá trị ngoại tệ đã đầu tư)

STT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ tại thời Điểm báo cáo					Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời Điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Giá trị sổ sách tại thời Điểm mua		Giá trị thị trường tại thời Điểm báo cáo	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
			Ngoại tệ	Tỷ VND				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(4)*100	(8)	(9)=(3)/(8)*100
I	Đầu tư chứng khoán							
1	Cổ phiếu							
	A							
								
2								
	A							
								
3	Chứng chỉ quỹ							
	A							
								
II	Đầu tư khác							

1								
	Tổng cộng (I+II)							

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch)

* Ghi chú:

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán mà CTCK nắm giữ.

Cột (3) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài Khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch;

Cột (6) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời Điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Đối với trái phiếu, không phải tính cột (8), (9).

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 105/2016/TT-BTC